

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 09/CVHTP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Công ty Cổ phần Hợp Thành Phát Đắk Nông về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cơ sở khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá bazan Hồ Kè xã Đắk R'moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 222/TTr-STNMT ngày 12 tháng 9 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hợp Thành Phát Đắk Nông, địa chỉ tại: xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Khai thác và Chế biến đá xây dựng mỏ đá Bazan Hồ Kè, xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá Bazan Hồ Kè.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số 6400427333, đăng ký lần đầu ngày 30/11/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông.

1.4. Mã số thuế: 6400427333.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, chế biến đá xây dựng.

1.6. Quy mô, diện tích của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Tổng diện tích của dự án là: 19,06 ha.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất của dự án: 103.450 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về giảm thiểu bụi quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Hợp Thành Phát Đắc Nông.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Hợp Thành Phát Đắc Nông các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, nước xả thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.



2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 07/6/2029.

\* Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về việc thẩm tra hồ sơ và nội dung tham mưu tại Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, CT, NN&PTNT, KH&CN;
- UBND thành phố Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty CP Hợp Thành Phát Đắk Nông;
- Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KT, NNTNMT(Ha).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**

ĐẮK NÔNG

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **25** /GPMT-UBND  
ngày **15** tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 02: Thoát nước mưa từ khai trường khai thác.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

- Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên trong khu văn phòng mở, khoảng 0,34 m<sup>3</sup>/ngày đêm được thu gom, xử lý qua bể tự hoại và tự thấm tại giếng thấm bên trong khu vực văn phòng.

- Dòng nước tháo khô mở: Nước mưa trong moong khai thác được thu gom vào hồ lắng dưới đáy moong, sau đó bơm tháo khô cưỡng bức ra suối phía Đông Nam của dự án. Nước mưa ở sân công nghiệp được dẫn dòng qua hồ lắng và cho tự chảy ra suối phía Đông Nam của dự án.

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Nguồn số 01: Tự thấm.
- Nguồn số 02: Suối phía Đông Nam của dự án.

**2.2. Vị trí xả nước thải**

- Nguồn số 01:
  - + Tại ngăn cuối cùng của bể tự hoại.
  - + Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 406755, Y = 1331526 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

**2.2. Nguồn số 02:**

+ Nước trong moong khai thác được thu gom về hồ lắng dưới đáy moong, sau đó bơm tháo khô cưỡng bức về suối phía Đông Nam của dự án.

+ Nước mưa chảy tràn khu sân công nghiệp được thu gom về hồ lắng để xử lý lắng cặn và cho tự chảy ra suối phía Đông Nam dự án.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: tọa độ: X = 406503 , Y=1331558) (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất**

Tính cho ngày mưa lớn nhất thì tổng lượng nước tháo khô mỏ phát sinh khoảng 13.870 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương khoảng 578 m<sup>3</sup>/giờ.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả thải gián đoạn, phụ thuộc vào chế độ bơm thoát nước mỏ.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, kq=0,9; kf=1,0) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	6-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30
3	TSS	mg/l	50
4	Sắt (Fe)	mg/l	1
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
6	Tổng Coliforms	Vi khuẩn/100ml	3.000

**Ghi chú:** Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa để đưa về hố lắng và bơm lên mương thoát nước trước khi thoát ra môi trường như sơ đồ sau:

Nước tháo khô mỏ được bơm cưỡng bức trực tiếp từ hố lắng bên trong moong khai thác lên trên mương hở thoát nước bằng đất, nước tháo khô mỏ theo mương hở tự chảy và xả ra suối nhỏ phía Đông Nam của dự án.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước tháo khô mỏ

- Tóm tắt quy trình: Nước tháo khô mỏ → hố lắng → mương thoát nước ra nguồn tiếp nhận (suối).

- Các công trình xử lý nước thải: 40m ống dẫn nước D150; 02 hố lắng ngang: kết cấu bằng đất, kích thước mỗi hố 4m x 2m x 2m; 120m mương thoát nước bằng đất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống và kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát nước, hồ lắng... phòng ngừa tắc nghẽn công trình thu gom, thoát nước vào ngày mưa.

- Trường hợp các công trình thu gom xử lý nước tháo khô mỏ (hồ lắng ngang) xảy ra sự cố chưa thể khắc phục ngay, thì nước tháo khô mỏ sẽ tạm thời lưu tại hồ thu nước tại đáy moong khai thác để khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

### **3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty Cổ phần Hợp Thành Phát Đắc Nông chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND  
ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

Dự án không phát sinh khí thải nên không thuộc đối tượng phải cấp phép khí thải theo quy định.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Biện pháp giảm thiểu bụi khi nổ mìn khai thác**

- Trước khi nổ mìn phải phun hoặc đổ nước vào mặt tầng nơi chuẩn bị nổ bằng hệ thống đường ống lấy nước từ hồ lắng tại moong khai thác. Tại khu vực khoan nổ mìn, bơm nước cao áp vào vị trí khai thác.

- Nổ mìn bằng búa nước: Sau khi nổ mìn áp dụng phun nước cục bộ kiểu di động khử bụi.

**2. Biện pháp giảm thiểu bụi khi vận chuyển**

- Sử dụng xe bồn (thể tích 10 m<sup>3</sup>) tưới nước hệ thống đường vận tải trong khu vực mỏ, vị trí san gạt, xúc bốc, bãi tập kết sản phẩm.

- Thường xuyên tu sửa tuyến đường vận chuyển trong và ngoài mỏ để giảm thiểu bụi. Các xe chở đá khi ra khỏi mỏ đều phải phủ bạt kín.

**3. Biện pháp giảm thiểu bụi khi chế biến đá**

- Khu vực chế biến bố trí téc nước (1 téc, 3 m<sup>3</sup>/téc) để cấp nước phun sương giảm thiểu bụi tại khu vực cấp liệu, băng tải và sàng rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực chế biến để giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Công ty Cổ phần Hợp Thành Phát Đắk Nông chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,**  
**ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND*  
*ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh và vị trí tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Phát sinh từ hoạt động khai thác tại khu vực khai trường (hoạt động của máy móc, thiết bị, khai thác, vận chuyển, nổ mìn...).
- Nguồn số 2: Từ hoạt động của trạm nghiền sàng, phương tiện vận chuyển, xúc bốc.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Các nguồn phát sinh đều là nguồn phân tán hoặc di động thuộc khu vực dự án tại xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường**

2.1. Tiếng ồn: Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA, cụ thể như sau:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	≤ 70	55	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung: Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh máy móc, thiết bị...) đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.



- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách, có đệm chống ồn và chân kê cố định chống rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này./.

**Phụ lục 4**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND  
ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh.****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	10
Giẻ lau dính dầu, nhớt thải	18 02 01	Rắn	10
<b>Khối lượng</b>			<b>20</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh như: Đất bóc tầng phủ các năm khai thác là 31.452 m<sup>3</sup>/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 4 kg/ngày tương đương 1.460 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy và dán nhãn.

- Diện tích kho lưu chứa: 4 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu nhà kho có chiều cao 3m, tường và mái lợp tole, nền nhà kho đổ bê tông dày 20cm và láng xi măng. Kho lưu chứa chất thải nguy hại có biển cảnh báo và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.**

Đất bóc tầng phủ dùng để tu sửa đường nội mỏ, san lấp mặt bằng trong mỏ, đắp đập hai bờ suối và tu sửa đường nội bộ. Khối lượng đất đá thải còn lại đổ trong moong khai thác để thực hiện phục hồi môi trường.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

- Bố trí các thùng chứa rác trong khu vực văn phòng và tự xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh bằng biện pháp chôn lấp trong khu vực dự án.

- Thiết kế, cấu tạo: 02 thùng rác 60 lít và 01 hố chôn lấp rác thải sinh hoạt có diện tích 10m<sup>2</sup>. Rác thải sinh hoạt chôn tại hố chôn lấp sẽ được rải một lớp đất mỏng phủ theo định kỳ 1 tuần/lần để tránh ruồi muỗi, mùi hôi phát sinh.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; đồng thời phải phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

**Phụ lục 5**  
**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND*  
*ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

**1. Cải tạo, phục hồi môi trường**

Tổng diện tích thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường là: 19,05ha.

**2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường**

Thực hiện theo đúng nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá bazan Hồ Kè, xã Đắk R'Moan.

**3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ**

- Tổng số tiền phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông là: 1.052.050.000 đồng (*Một tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Chủ dự án đã thực hiện 14 lần (trong tổng số 20 lần) ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh Đắk Nông số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là 858.820.457 đồng (*Tám trăm năm mươi tám triệu, tám trăm hai mươi nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng*).

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 212.927.238 đồng (*Hai trăm mười hai triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm ba mươi tám đồng*).

- Thực hiện ký quỹ như sau:

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông, thời gian khai thác của cơ sở đến ngày 07/6/2029, do đó:

+ Số lần ký quỹ còn lại: 6 lần.

+ Số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023) trong các năm tiếp theo là: 35.487.873 đồng (*Ba mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng*).

+ Thời điểm ký quỹ: Không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

+ Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh Đắk Nông.

**B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện giám sát, cảnh báo, đảm bảo an toàn đối với khu vực khai trường, bãi thải đất đá mỏ.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép./.

---